TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 3 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lại Quang Tuyển và bà Chu Thị Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; hiện đang cư trú tại Khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Xuân S, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; cùng nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, tỉnh Hà Nam.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị C để giao nhận tài liệu, chứng cứ và thủ tục tố tụng: Ông Vũ Xuân S, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt anh T và ông S; vắng mặt chị C và bà D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Anh Trần Thanh T và chị Vũ Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam ngày 10 tháng 3 năm 2011 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại gia đình chị Vũ Thị C đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp và bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn.

Theo quan điểm của anh T thì cuối năm 2015, vợ chồng đã làm đơn ly hôn gửi đến Ủy ban nhân dân xã Tiên Hải; tuy nhiên, chưa được giải quyết thì cả hai vợ chồng đều đi lao động tại Đài Loan nên không kịp giải quyết ly hôn; ở Đài Loan anh chị mỗi người một nơi và không quan tâm tới nhau. Đến tháng 10 năm 2022, anh T về Việt Nam sinh sống và làm việc còn chị C vẫn ở Đài Loan cho đến nay.

Quan điểm của chị Vũ Thị C, trong thời gian sống chung vợ chồng không hợp nhau và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; anh T đã đánh đập chị C vài lần, nặng nhất ngày 20 tháng 10 năm 2015; dẫn đến chị C phải làm đơn tố cáo anh T về bạo lực gia đình, từ đó vợ chồng sống ly thân.

Nay, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Trần Thanh T xin ly hôn, chị Vũ Thị C đồng ý.

Về con chung: Anh chị đều xác định có 01 con chung là cháu Trần Cẩm T1, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2012; hiện cháu T1 đang ở với ông Vũ Xuân S và bà Nguyễn Thị D. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao chị Vũ Thị C nuôi cháu T1 và tạm thời nhờ ông S, bà D nuôi dưỡng; cuối năm 2023, chị C về Việt Nam sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1. Anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác cả hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ông S và bà D) đều xác định: Hiện tại ông bà đang nuôi cháu Trần Cẩm T1; hàng tháng chị Vũ Thị C vẫn gửi tiền cho ông bà nuôi dưỡng các cháu. Nếu anh T và chị C ly hôn ông bà đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho ông bà nuôi dưỡng; cuối năm 2023 chị C về Việt Nam sinh sống, ông bà giao lại cháu T1 cho chị C nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, ông Vũ Xuân S xác định đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án giao nhận và đã chuyển toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Vũ Thị C; ông S cam đoan chị C đã nhận được.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82 và 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử công thuận tình ly hôn giữa Anh Trần Thanh T và Chị Vũ Thị C.

Về con chung: Giao cháu Trần Cẩm T1, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2012 cho chị Vũ Thị C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 trưởng thành và lao động tự lập được; anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận việc ủy quyền của chị C, giao ông Vũ Xuân S và bà Nguyễn Thị D (Bố mẹ đẻ chị C) thay chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 trong thời gian chị C đang lao động tại Đài Loan.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Thanh T và chị Vũ Thị C mỗi người phải chịu 75.000 đồng; chấp nhận sự tự nguyện của anh T chuyển số tiền tạm ứng án phí của anh T đã nộp thành án phí chung của anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa và nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bà D) vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh T và Chị Vũ Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam ngày 10 tháng 3 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tính tính vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Anh chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay không quan tâm tới nhau; nay anh T xin ly hôn, chị C đồng ý. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thực sự tự nguyện ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh T và Chị Vũ Thị C là phù hợp pháp luật.

[4] Về con chung: Anh chị xác định có 01 con chung là cháu Trần Cẩm T1, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2012; hiện cháu đang ở với ông Vũ Xuân S và bà Nguyễn Thị D (Ông bà ngoại). Khi ly hôn anh chị đều nhất trí giao cháu Trần Cẩm T1 cho chị Vũ Thị C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi; anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng việc thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp

với Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Hiện chị Vũ Thị C đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan nên chị C nhờ ông Vũ Xuân S và bà Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Cẩm T1 trong thời gian chị C lao động tại Đài Loan. Do ông S và bà D nhất trí tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Cẩm T1 cho ông S và bà D nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi chị C về Việt Nam, ông S và bà D có trách nhiệm giao lại cháu T1 cho chị C nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác cả hai anh chị đều không có yêu cầu giải quyết trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Thanh T và chị Vũ Thị C phải chịu theo quy định. Tuy nhiên, chấp nhận sự tự nguyện của anh chị nên Hội đồng xét xử buộc anh T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh T và chị Vũ Thị C.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Cẩm T1, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2012 cho chị Vũ Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và lao động tự lập được. Anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Vũ Thị C với ông Vũ Xuân S và bà Nguyễn Thị D; giao cháu Trần Cẩm T1 cho ông Vũ Xuân S và bà Nguyễn Thị D trông non, chăm sóc, giáo dục trong thời gian chị Vũ Thị C lao động tại Đài Loan. Đến khi chị Vũ Thị C về Việt Nam sinh sống, ông Vũ Xuân S và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ giao lại cháu Trần Cẩm T1 cho chị Vũ Thị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Buộc anh Trần Thanh T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba

trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00015229 ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Trả lại anh Trần Thanh T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho anh Trần Thanh T và ông Vũ Xuân S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; chị Vũ Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND xã La Sơn, huyện Bình Lục;
- UBND xã Tiên Hải, thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy